

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRẦN AN
Tầng 9 số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, tp Hà Nội
Tel: 04.3.944.6218 Fax: 04.3.944.6213

Mẫu số CBTT-05
Theo TT số 38/2007/TT-BTC
Ngày 18/04/2007 của Bộ Tài Chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

NĂM 2009

(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

TT	NỘI DUNG	31/12/2009	01/01/2009
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	224,727,236,362	121,418,234,912
1	Tiền	66,052,770,960	107,472,551,685
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác	2,452,593,860	6,919,446,880
	- Chứng khoán tự doanh	2,551,529,051	15,029,087,915
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn	(98,935,191)	(8,109,641,035)
3	Các khoản phải thu	155,115,806,187	5,342,046,153
5	Tài sản ngắn hạn khác	1,106,065,355	1,684,190,194
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	40,048,171,974	47,175,646,748
1	Tài sản cố định	5,294,116,480	5,745,442,596
	- Tài sản cố định hữu hình	3,749,366,867	4,467,907,689
	- Tài sản cố định vô hình	1,544,749,613	1,277,534,907
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	27,868,500,000	29,689,000,000
4	Tài sản dài hạn khác	6,885,555,494	11,741,204,152
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	264,775,408,336	168,593,881,660
IV	NỢ PHẢI TRẢ	121,466,700,323	36,566,858,874

1	Nợ ngắn hạn	121,466,700,323	36,566,858,874
V	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	143,308,708,013	132,027,022,786
1	Vốn góp ban đầu	139,000,000,000	139,000,000,000
2	Vốn bổ sung	11,130,000,000	11,130,000,000
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	(6,821,291,987)	(18,102,977,214)
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	264,775,408,336	168,593,881,660

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2009	NĂM 2008
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	46,818,952,986	28,264,563,058
3	Doanh thu thuần	46,818,952,986	28,264,563,058
5	Doanh thu hoạt động kinh doanh CK và lãi đầu tư	46,818,952,986	28,264,563,058
6	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	20,807,291,148	44,064,024,669
7	Lợi nhuận gộp	26,011,661,838	(15,799,461,611)
8	Chi phí quản lý	10,967,222,816	11,043,933,499
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh CK	15,044,439,022	(26,843,395,110)
10	Thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh	36,591	47,238,645
11	Chi phí ngoài hoạt động kinh doanh	1,653,883	104,050,216
12	Tổng lợi nhuận trước thuế	15,042,821,730	(26,900,206,681)
13	Lợi nhuận tính thuế (Lợi nhuận trước thuế - lãi đầu tư)	15,042,821,730	(26,900,206,681)
15	Lợi nhuận sau thuế	11,281,685,227	(20,175,155,010)
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (nếu có)	812	(1,451)

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2009	NĂM 2008
1	Cơ cấu tài sản (%)		
	- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	15.125	27.982
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	84.875	72.018
2	Cơ cấu nguồn vốn (%)		
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	45.875	21.689
	- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	54.125	78.311
3	Khả năng thanh toán (lần)		
	- Khả năng thanh toán nhanh		
	- Khả năng thanh toán hiện hành	0.544	2.939
4	Tỷ suất lợi nhuận (%)		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	4.26	(11.97)
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	24.10	(71.38)
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	7.87	(15.28)

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2010
TỔNG GIÁM ĐỐC

TS. LÊ HÒ KHÔI